



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ

Ngày 31/12/2025	40,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.5%	-5.4%	-8.8%

DT thuần Q4/25
472
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 149 46.3%
YoY: ▲ 225 91.3%

LN thuần Q4/25
349
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 113 47.7%
YoY: ▲ 189 118%

LN sau thuế Q4/25
279
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 90.0 47.5%
YoY: ▲ 123 78.7%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
69.5%
YoY: +/- ▲ 20.7%

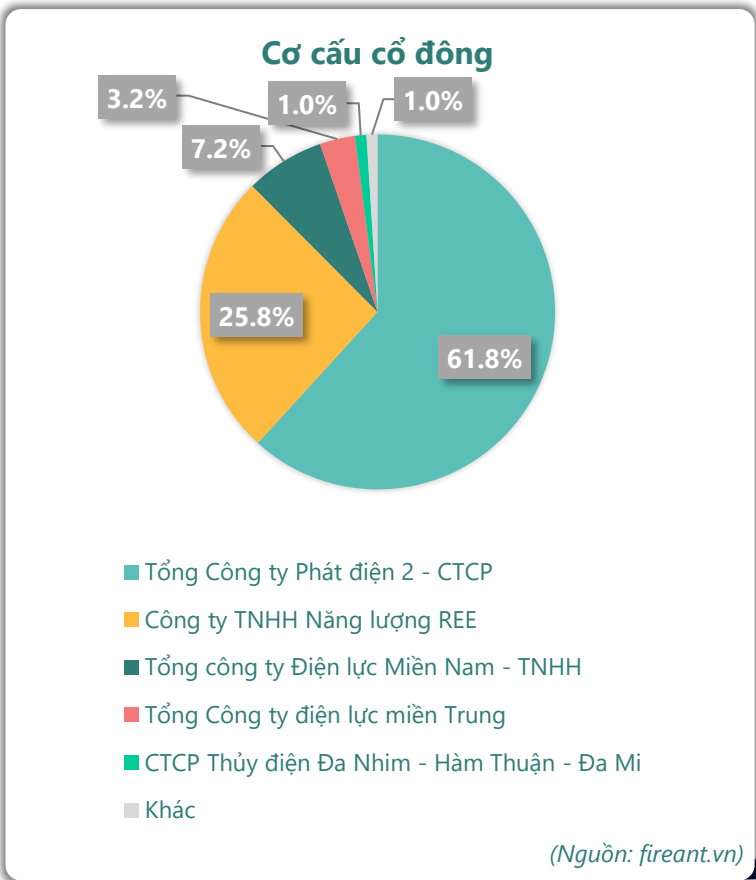
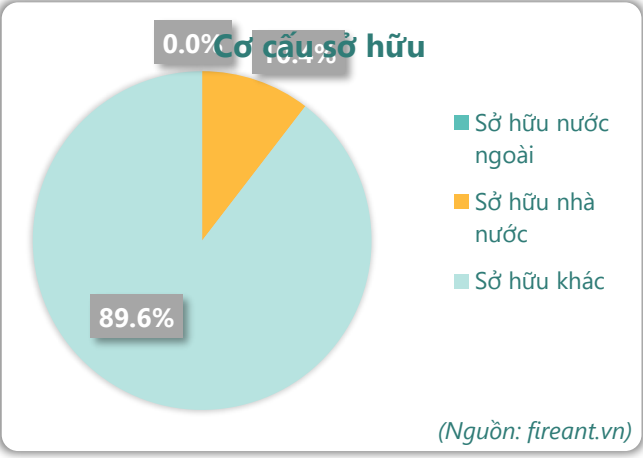
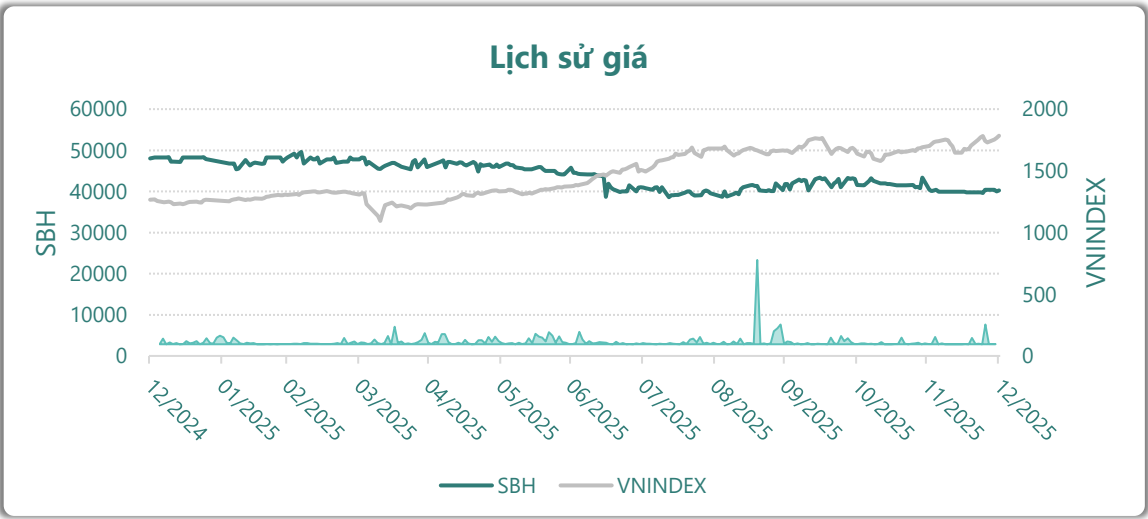
ROE 2025
30.1%
YoY: +/- ▲ 15.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	38,592 - 49,591
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,994
Số lượng CPLH (CP)	124,225,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,045
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.20
EPS	4,426
P/E	9.1

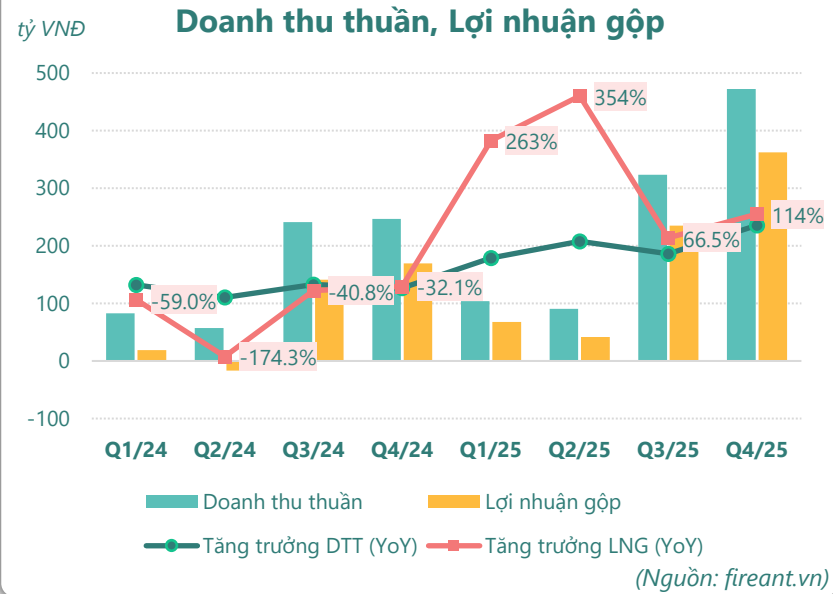
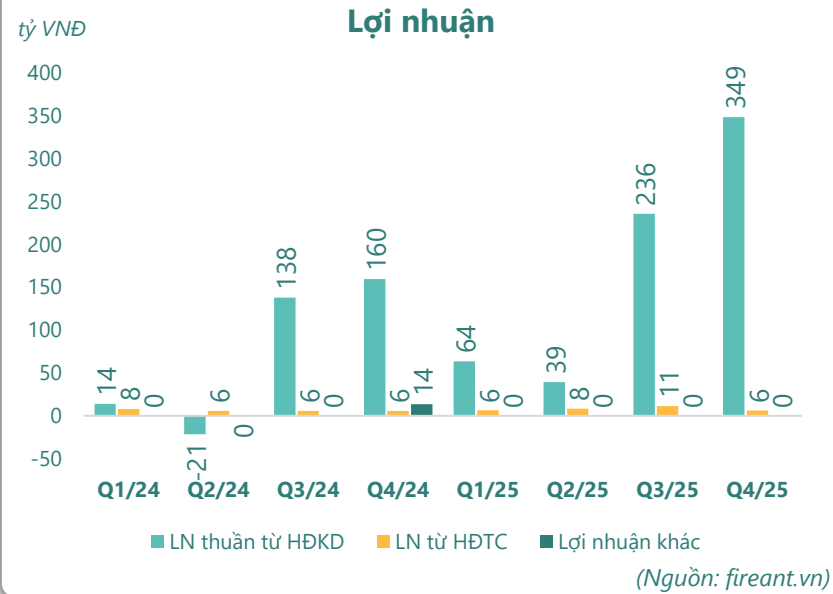
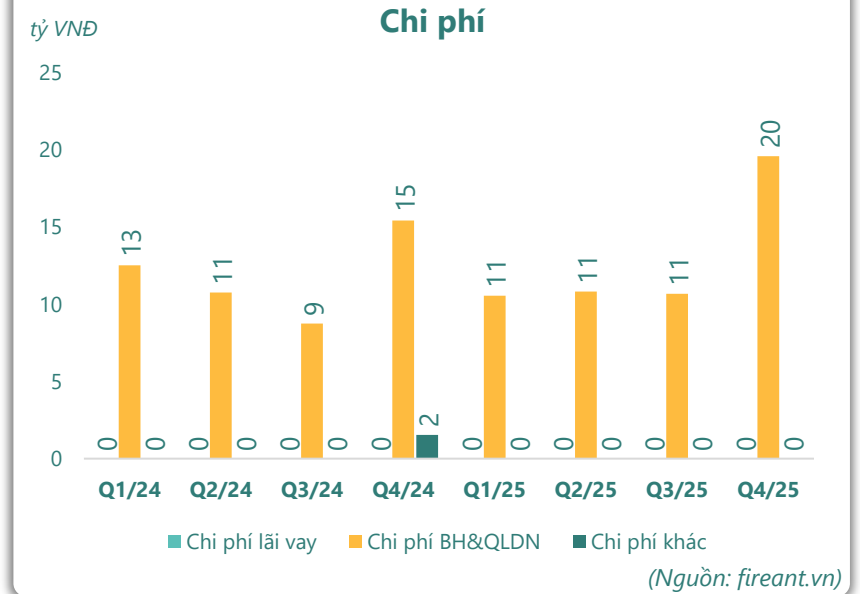
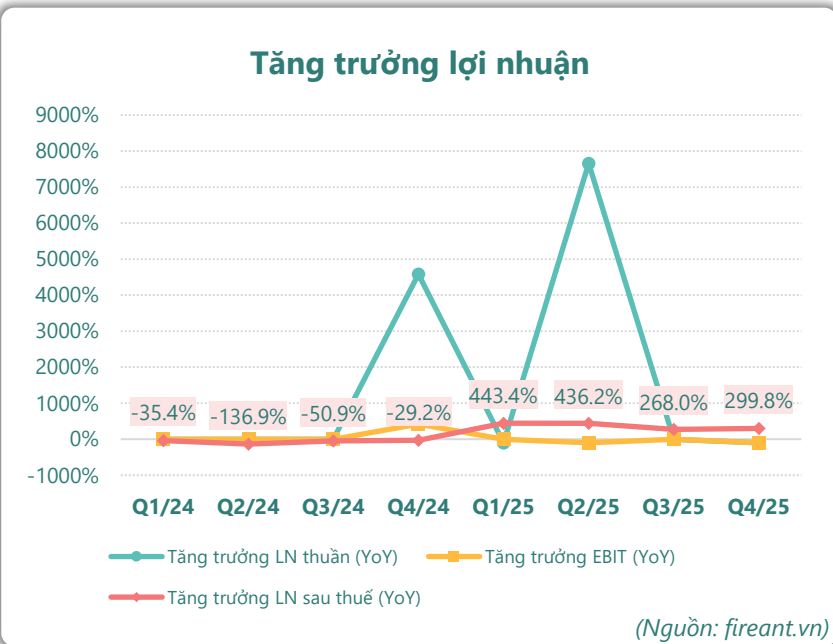
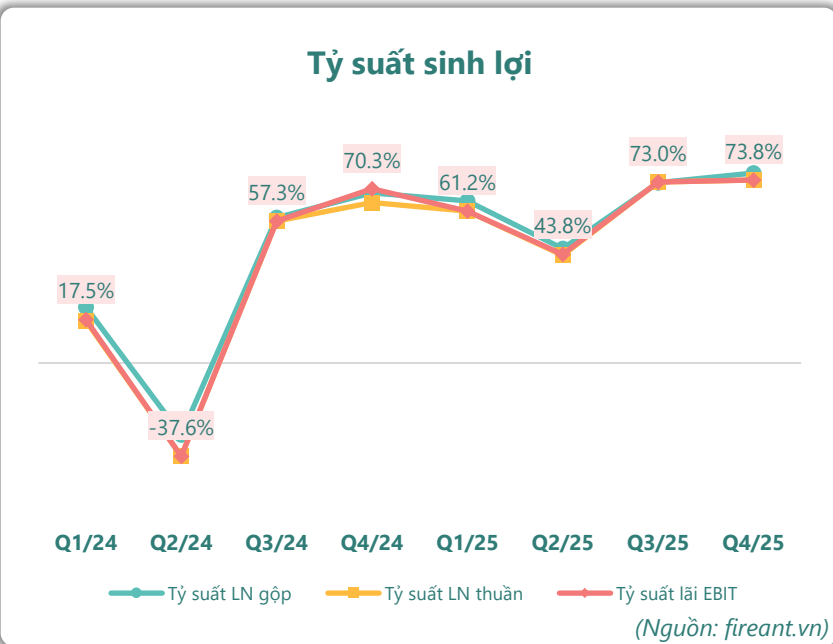
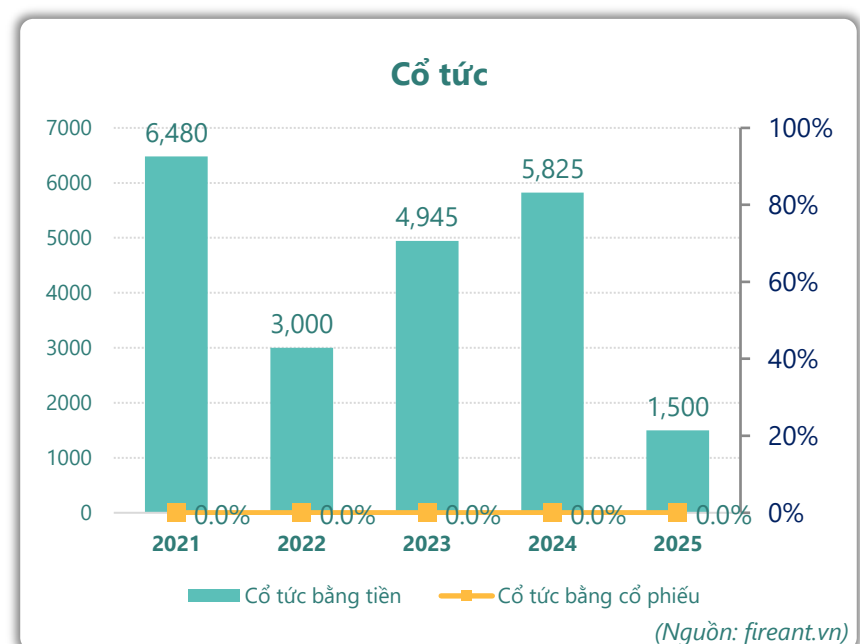
DT thuần 2025
990
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 362 57.7%

LN thuần 2025
687
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 395 135%

LN sau thuế 2025
550
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 276 101%



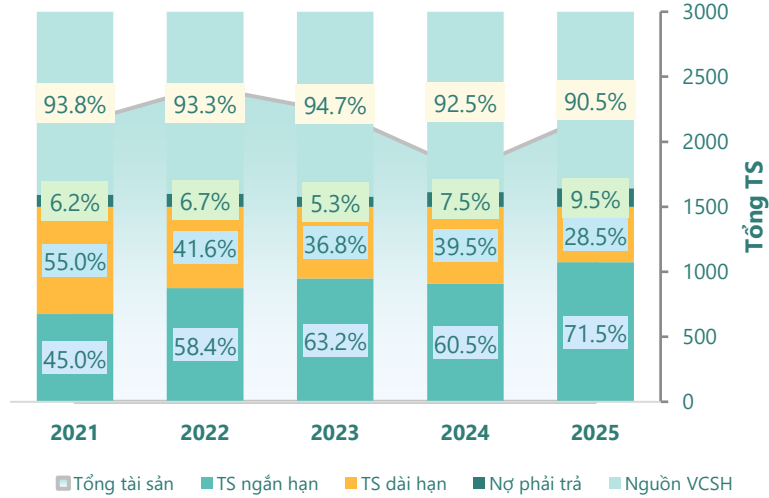
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

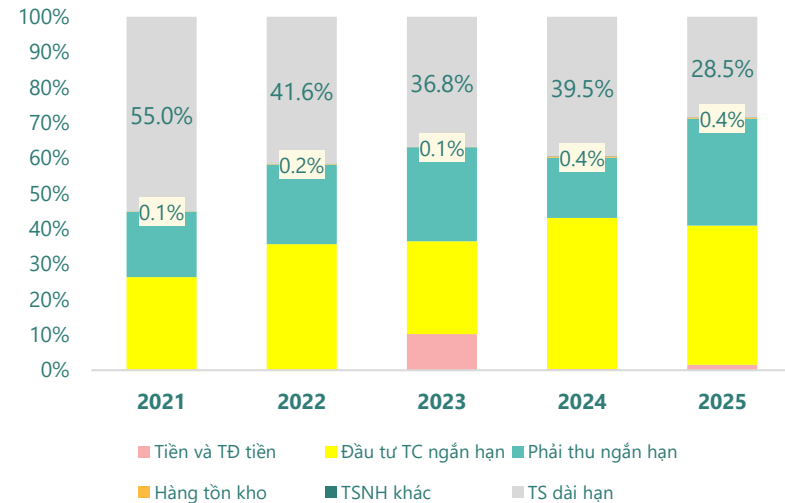
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

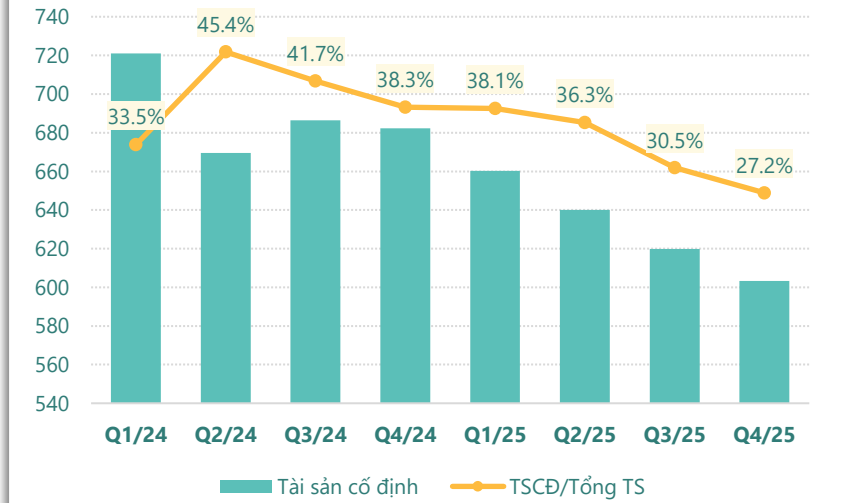
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

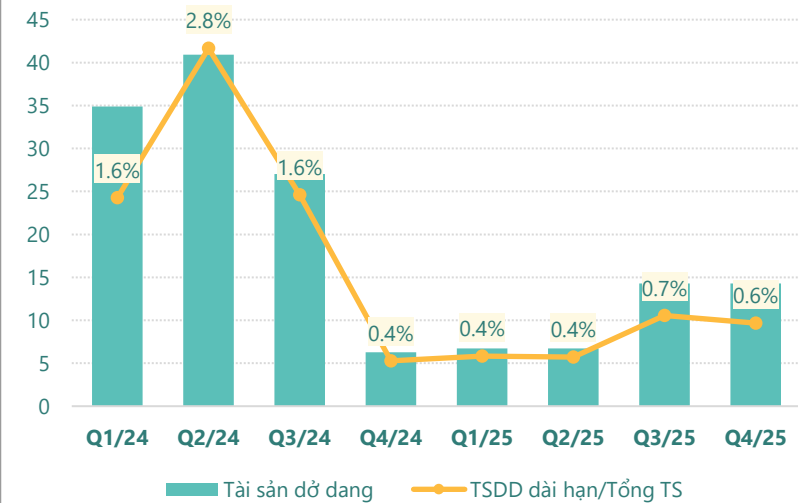
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

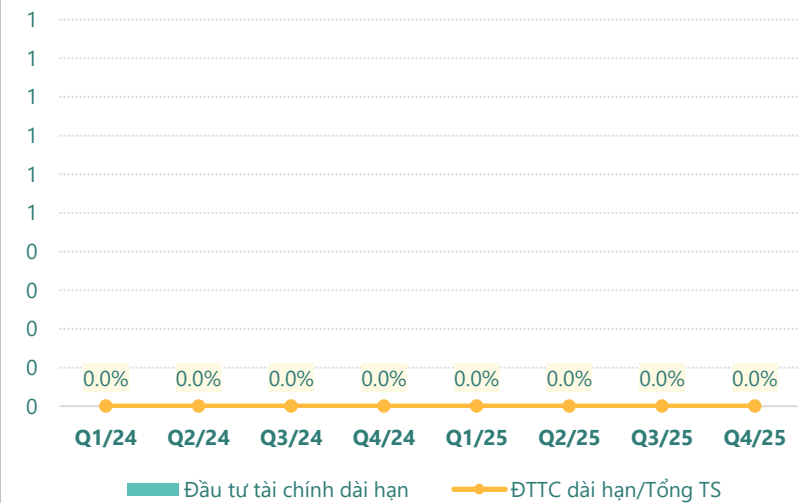
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

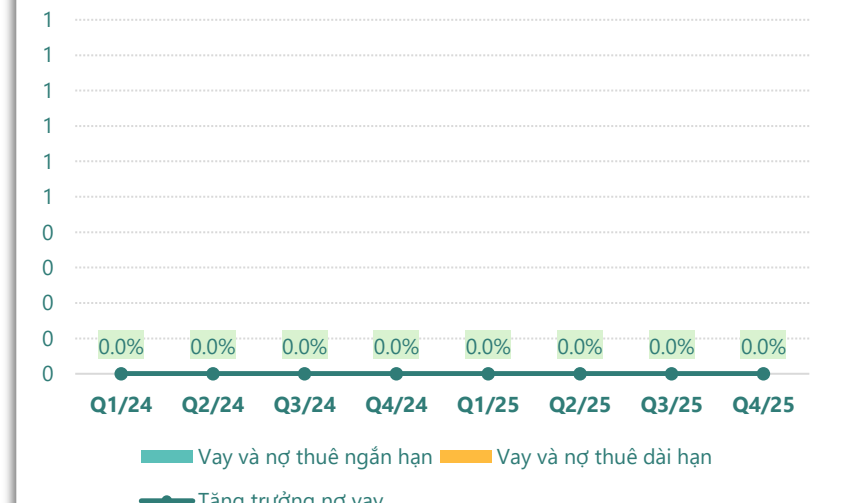
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

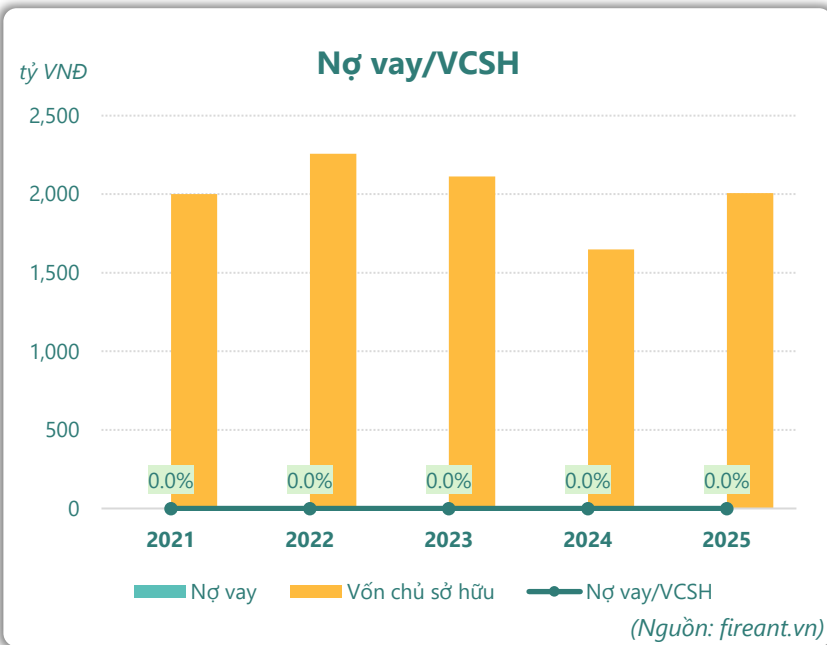
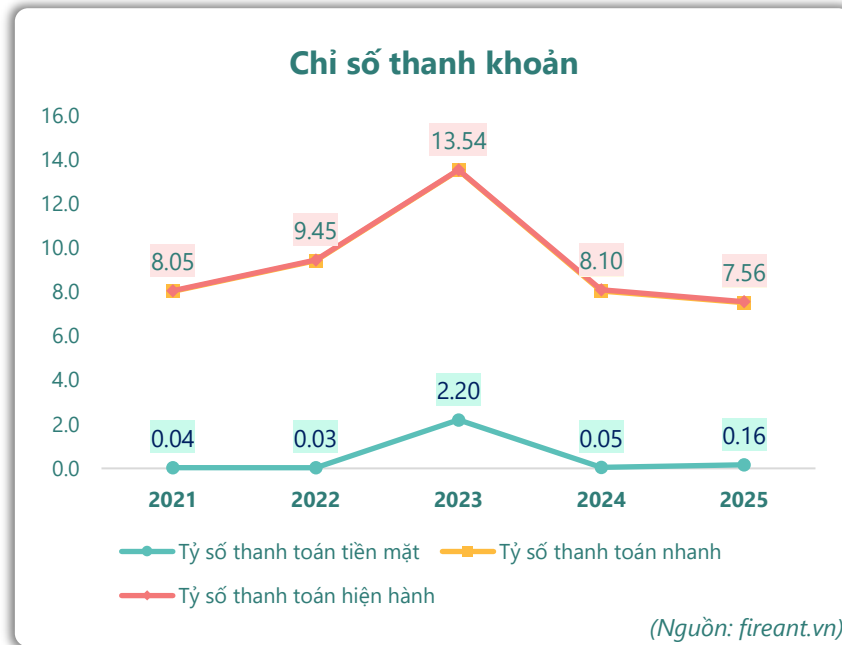
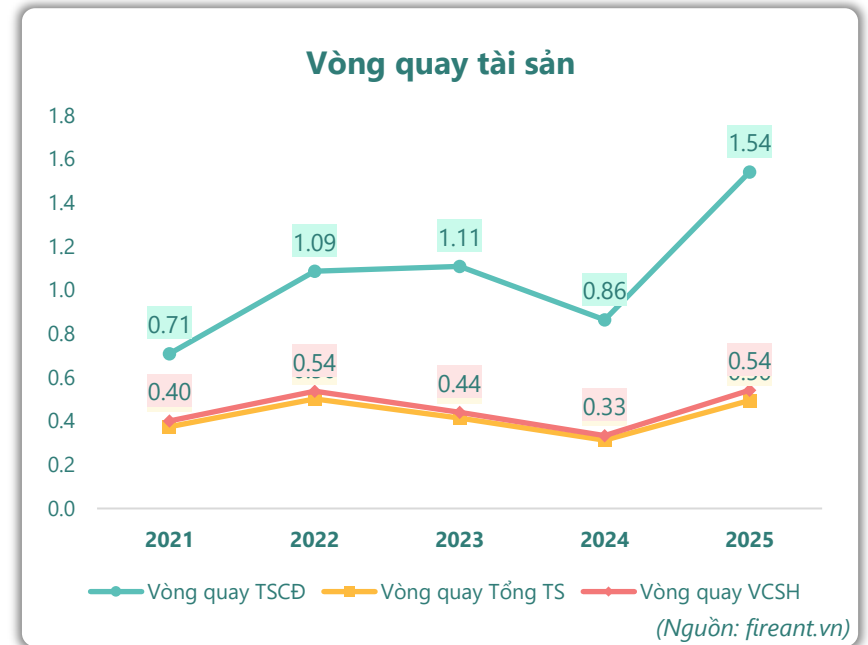
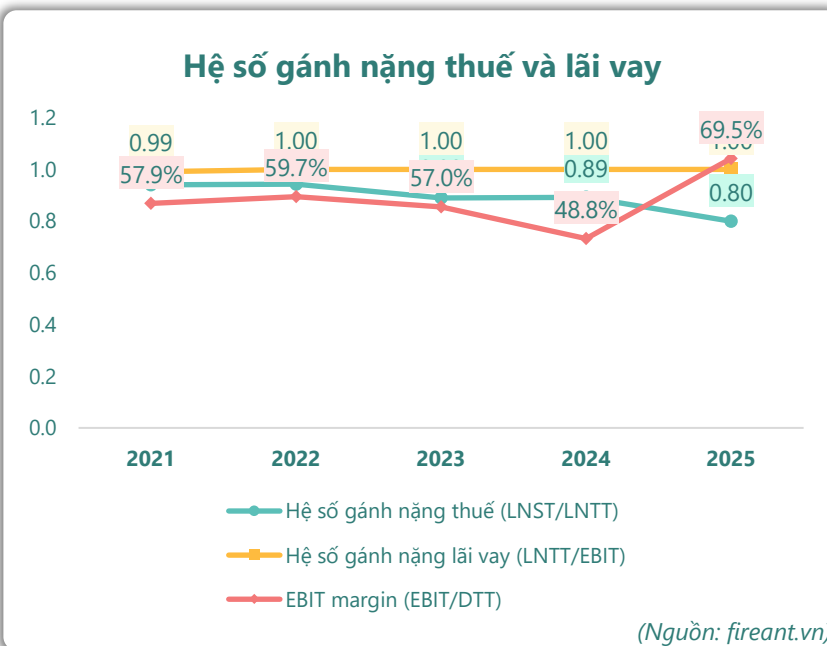
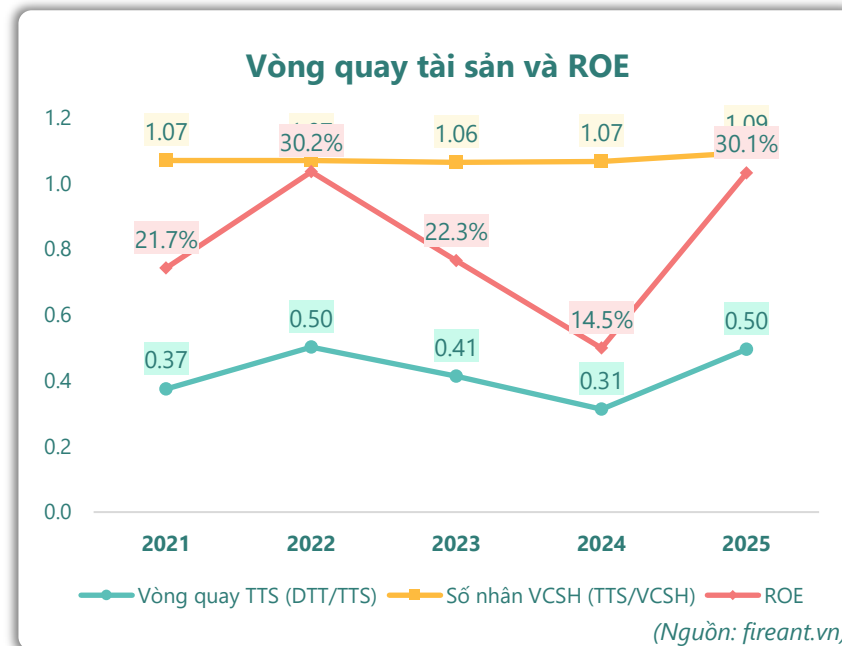
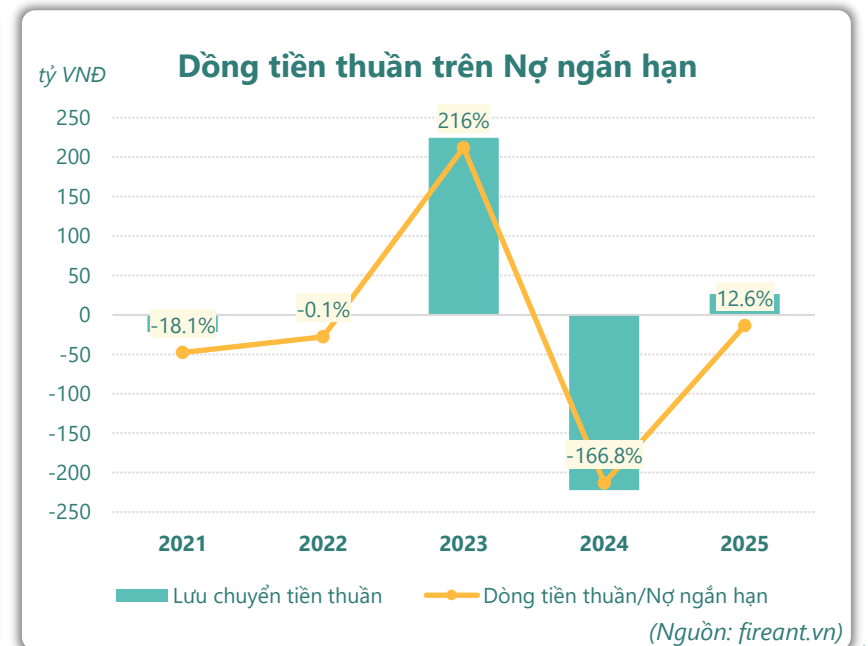
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	472	247	91.3%	990	628	57.7%
Giá vốn hàng bán	110	77.4	42.6%	283	313	-9.5%
Lợi nhuận gộp	362	169	114%	707	315	125%
Doanh thu HĐTC	6.24	5.87	6.2%	32.1	25.3	27.2%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	19.6	15.4	27.3%	51.7	47.7	8.4%
LN thuần từ HĐKD	349	160	118%	687	292	135%
Lợi nhuận khác	0.16	13.7	-98.8%	0.50	14.1	-96.4%
LN trước thuế	349	173	102%	688	306	124%
Lợi nhuận sau thuế	279	156	78.7%	550	274	101%
LNST của CĐ cty mẹ	279	156	78.7%	550	274	101%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-31.8	125	-34.6	210	24.1	104
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.68	-141	108	-219	52.5	-32.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.20	-0.23	-61.9	-0.04	0.10	-124
Tiền đầu kỳ	63.0	22.7	6.94	18.2	9.40	86.1
Lưu chuyển tiền thuần	-40.3	-15.8	11.3	-8.85	76.7	-52.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.7	6.94	18.2	9.40	86.1	33.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,216	1,781	24.4%
Tài sản ngắn hạn	1,585	1,078	46.9%
Tiền và tương đương tiền	33.4	6.94	381%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	873	761	14.7%
Phải thu ngắn hạn	669	302	121%
Hàng tồn kho	8.86	7.04	25.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.07	1.16	-93.7%
Tài sản dài hạn	631	703	-10.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	603	681	-11.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.3	6.74	112%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	13.7	15.2	-10.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	210	133	57.5%
Nợ ngắn hạn	210	133	57.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	9.84	28.8	-65.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,006	1,648	21.7%
Vốn chủ sở hữu	2,006	1,648	21.7%
Vốn điều lệ	1,242	1,242	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

